

Bản án số: 120/2019/DS-ST
Ngày 25-9-2019
V/v “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Đỗ Biên Ai

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2019 về “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 335/2019/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tạ Thu N, sinh năm 1956 (có mặt)

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp TH, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Cư trú tại: Số 255A đường NCT, phường NTB, Quận A, Thành phố HCM.

- Bị đơn: Ông Tạ Thanh Tùng (có mặt)

Bà Trịnh Thị Hằng (có mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp TH, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Tạ Thu N trình bày:

Vào năm 2011, bà có cho ông T và bà H mượn số tiền 370.000.000đ, không có làm giấy tờ, thỏa thuận khi nào cần tiền sử dụng bà sẽ báo trước một tháng ông T và bà H sẽ trả. Do không có tiền trả đến ngày 22/6/2016, ông T và bà H làm giao kèo đưa cho bà phần đất 6.500m² để trừ số tiền nợ trên. Tuy nhiên, ông T và bà H không giao bằng khoán cho bà làm quyền sử dụng đất theo thỏa thuận trong giao kèo. Bà yêu cầu ông T và bà H trả số tiền đã mượn 370.000.000đ.

Ông Tạ Thanh T trình bày tại phiên hòa giải:

Trong khoảng thời gian từ năm 1990 đến năm 1995, ông và bà H có vay của bà N 100.000.000đ, hai bên thỏa thuận miệng, không có làm biên nhận, thỏa thuận

lãi suất 2.000.000đ/tháng/100.000.000đ. Từ khi vay đến nay, ông bà có đóng lãi cho nguyên đơn hàng tháng, đóng lãi được khoảng 50.000.000đ, khi đóng lãi hai bên không có làm biên nhận và không có ai chứng kiến.

Khoảng năm 2005-2006, bà N có cho ông bà mượn 30.000.000đ. Đến năm 2010, bà N cho ông bà vay thêm 120.000.000đ, không làm biên nhận, hai năm sau ông bà trả cho bà N số tiền lãi 70.000.000đ, không làm biên nhận và hai bên thống nhất lãi nhập vốn 190.000.000đ. Năm 2013 đến thời điểm trả theo thỏa thuận do không có tiền nên thỏa thuận lấy 6.500m² đất trừ số tiền nợ 370.000.000đ nhưng do thời điểm này ông đang thế chấp đất vay Ngân hàng nên không chuyển tên cho bà N được.

Ông T và bà H trình bày tại phiên Tòa: Đối với khoản tiền vay 100.000.000đ, hai bên thỏa thuận mức lãi suất 1.500.000đ, ông bà không nhớ tổng số tiền ông bà đóng lãi của khoản vay này là bao nhiêu. Ông bà không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét đối với phần đất 6.500m².

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà N khởi kiện yêu cầu ông T và bà H trả số tiền 370.000.000đ. Xét thấy, theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[2] Về nội dung:

Về số tiền vay: Bà N khởi kiện yêu cầu ông T và bà H trả số tiền 370.000.000đ. Ông T, bà xác định trong số tiền 370.000.000đ có 70.000.000đ tiền lãi nên không đồng ý trả theo yêu cầu khởi kiện của bà N. Xét thấy: Bà N với ông T, bà H có xác lập việc vay tiền với nhau và ông T, bà H còn nợ tiền của bà N là có thật, được thể hiện tại giấy giao kèo ngày 22/6/2016. Đồng thời theo giấy giao kèo ngày 22/6/2016 thể hiện ông T, bà H thiếu bà N số tiền 370.000.000đ, không thể hiện trong số tiền trên có số tiền lãi theo như ông, bà trình bày. Mặt khác, ngoài lời trình bày của ông T, bà H về việc trong số tiền nợ có số tiền lãi thì ông T, bà H không đưa ra được chứng cứ nào khác để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà N về việc yêu cầu ông T, bà H trả số tiền vay là 370.000.000 đồng.

Đối với phần đất diện tích 6.500m² ông T, bà H cho rằng giao cho bà N để trừ số tiền nợ. Xét thấy: Trong vụ kiện này giữa ông T, bà H với bà N chỉ tranh chấp liên quan số tiền nợ 370.000.000đ, không yêu cầu Tòa án xem xét liên quan đến phần đất trên. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp sau này các đương sự có phát sinh tranh chấp liên quan đến phần đất trên thì các đương sự được quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà N không phải chịu. Ông T, bà H phải chịu án phí có giá ngạch với số tiền 18.500.000đ (370.000.000 đồng x 5% = 18.500.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thu N. Buộc ông Tạ Thanh H và bà Trịnh Thị H trả số tiền nợ 370.000.000đ (ba trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tạ Thu N không phải chịu. Ông Lê Tạ Thanh T và bà Trịnh Thị H phải chịu 18.500.000đ (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Tạ Thu N, ông Tạ Thanh T và bà Trịnh Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng